TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2022/QĐST-HNGĐ	*Giồng Trôm, ngày 12 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 60/2022/TLST-VDS ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Phạm Văn L**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện G, tỉnh B.

- Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện G, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, ông bà đã sống ly thân và bỏ mặc nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H có 02 con chung tên Phạm Văn R, sinh ngày 18/12/1993 và Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 14/02/2003, hiện đều đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H trình bày không có nợ

chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Toà án: Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí Tòa án. Do ông bà thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H có 02 con chung tên Phạm Văn R, sinh ngày 18/12/1993 và Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 14/02/2003, hiện đều đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H không có nợ chung.

2. Về lệ phí Toà án:

- Ông Phạm Văn L phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông L đã nộp là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008146 ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Ông L đã nộp đủ lệ phí.

- Bà Trần Thị H phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà H đã nộp là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008145 ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Dũng